

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-ST
Ngày 11/7/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Đông Hà
- Bà Trần Thị Bé Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2024, tại trụ sở TAND huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-DS, ngày 15/4/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2024/QĐXXST-DS, ngày 28/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 131/2024/QĐXXST-DS, ngày 12/6/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị S, sinh năm: 1951; Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hoàng T; cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Bà M có mặt, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày:

Vào ngày 06/01/2022, bà có cho vợ chồng ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị M vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, thỏa thuận lãi suất hai bên là 2%/tháng. Khi vay có làm biên nhận viết tay do bà Nguyễn

Thị M viết và ký tên vào biên nhận. Trong thời gian cho vay thì vợ chồng ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị M có đóng lãi được 08 tháng từ ngày vay đến tháng 06/9/2022 với số tiền là 8.000.000 đồng (mỗi tháng đóng 1.000.000 đồng) thì không tiếp tục đóng lãi nữa.

Vào ngày 10/05/2022, bà có cho vợ chồng ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị M vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, thỏa thuận lãi suất hai bên là 2%/tháng. Khi vay có làm biên nhận viết tay do vợ chồng ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị M cùng ký tên vào biên nhận. Trong thời gian cho vay thì vợ chồng ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị M có đóng lãi được 04 tháng từ ngày vay đến tháng 10/9/2022 với số tiền là 8.000.000 đồng (mỗi tháng đóng 2.000.000 đồng) thì không tiếp tục đóng lãi nữa.

Từ ngày 09/3/2023 đến ngày 09/9/2023 âm lịch, mỗi tháng bà M có trả cho bà 5.000.000 đồng, tổng cộng 07 tháng với số tiền là 35.000.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy buộc ông Trần Hoàng T và bà Nguyễn Thị M trả số tiền đã vay ngày 06/01/2022 và số tiền đã vay 10/5/2022 tổng cộng là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi suất.

Sau khi khởi kiện, ngày 16/02/2024 âm lịch, bà M có trả cho bà 5.000.000 đồng nên bà yêu cầu ông T và bà M còn thiếu bà số tiền là 110.000.000 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Thông nhất quá trình vay nợ với thời gian vay, số tiền vay, lãi suất như nguyên đơn bà S trình bày. Thông nhất từ ngày vay nợ đến nay đã trả lãi và nợ gốc như nguyên đơn bà S trình bày. Bà có nợ của bà Trần Thị S tổng số tiền 150.000.000 đ. Bà vay nhiều lần không nhớ rõ mấy lần. Bà có trả cho bà S được 40.000.000 đ và có đóng lãi được thời gian đầu, sau này không có khả năng nên bà không có đóng lãi được. Bà có làm biên nhận cho bà S, về chữ ký và chữ viết Trần Hoàng T trong biên nhận ngày 10/5/2022 số tiền vay 100.000.000 đồng là do bà Nguyễn Thị M ký và viết vào biên nhận chứ không phải là của ông Trần Hoàng T do tại thời điểm đó ông Trần Hoàng T đi làm ăn xa không có ở nhà.

Số tiền này là tự bà hỏi vay, chồng bà là ông Trần Hoàng T không hay biết. Do bà mượn tiền cho vay rồi bị lỗ nên bà mượn tiền bà S để lấp. Do bà tự làm rồi bị bể nên bà giấu chồng bà, chồng bà không biết việc bà đi vay. Đến khi bà mất khả năng thanh toán chủ nợ đòi thì chồng bà mới hay.

Bị đơn ông Trần Hoàng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của

nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị S trình bày: Yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền còn nợ 110.000.000 đ (Một trăm mười triệu đồng). Bà rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Hoàng T.

Bà Nguyễn Thị M đồng ý trả số tiền 110.000.000 đ theo yêu cầu của bà Trần Thị S.

Ông Trần Hoàng T vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Hoàng T.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về xác định quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị S yêu cầu bà Nguyễn Thị M trả số tiền còn nợ 110.000.000 đ. Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về xác định thẩm quyền: bà Nguyễn Thị M có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về việc vắng mặt của đương sự: Ông Trần Hoàng T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hoàng T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung khởi kiện:

Bà Trần Thị S yêu cầu bà Nguyễn Thị M và ông Trần Hoàng T trả số tiền còn nợ là 110.000.000 đ và không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu của mình bà Trần Thị S nộp cho Tòa án biên nhận ngày 06/01/2022 và ngày 10/5/2022. Bà Nguyễn Thị M thống nhất biên nhận nợ do bà viết và thừa nhận số nợ tuy nhiên bà Nguyễn Thị M trình bày chữ ký của ông Nguyễn Hoàng T1 trong biên nhận ghi ngày 10/5/2022 là do bà ký thay ông T1. Bà Nguyễn Thị M

thống nhất trả toàn bộ số tiền 110.000.000 đ như vậy yêu cầu của bà Trần Thị S đối với bà Nguyễn Thị M là có căn cứ. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị M thống nhất chịu trách nhiệm trả cho bà Trần Thị S toàn bộ số tiền nợ là 110.000.000 đ và bà Trần Thị S chấp nhận.

Đối với ông Trần Hoàng T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa bà Trần Thị S rút lại yêu cầu khởi kiện đối với ông Trần Hoàng T nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S với ông Trần Hoàng T.

Do bà Trần Thị S không có yêu cầu về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị M có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh khó khăn được Ủy ban nhân dân xã V xác nhận. Do đó Hội đồng xét xử giảm 50% án phí mà bà Nguyễn Thị M phải chịu.

Các đương sự còn được kháng cáo theo luật định;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 5, 6, 26, 35, 39, 91, 147, 273, 227 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S. Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị S và bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị S số tiền 110.000.000 đ (*Một trăm mười triệu đồng*).

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S đối với ông Trần Hoàng T.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu lãi suất do chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải nộp số tiền 2.750.000 đ (*Hai triệu bảy trăm năm chục ngàn đồng*).

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Các đương sự;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Thị Mỹ Trúc

